

Bản án số: **37/2023/HNGĐ - ST**

Ngày: 23/6/2023.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Hồng**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Vĩ**

Ông **Nguyễn Trọng Long**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Lan** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2023/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXX-ST ngày 26 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn B, xã Vạn Ph, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- **Bị đơn:** Anh **Đỗ Văn Tr**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Bắc S, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội

Có mặt chị T, vắng mặt anh Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15.02.2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Trần Thị T trình bày:

-Về hôn nhân: Chị và anh Đỗ Văn Tr có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương năm 2004, vợ chồng kết hôn có tự do tìm hiểu, tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Bắc S, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội ngày 30/8/2004.

Sau khi kết hôn xong thì vợ chồng chị về sống chung cùng bố mẹ anh Trung ở thôn Đ, xã Bắc Sơn, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Quá trình chung sống vợ chồng chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Trước đây vợ chồng chị làm tự do đến năm 2014 chị bắt đầu đi làm công nhân mức lương eo hẹp lại phải lo chi phí sinh hoạt trong gia đình, anh Trung luôn nói chị đi làm không mang được tiền về gia đình. Mặt khác lại nghi ngờ chị mang tiền ở nhà đi nên vợ chồng liên tục xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và xô xát có được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tr.

-Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Đỗ Đức H, sinh ngày 10/4/2019. Hiện nay con đang ở với anh Tr. Ly hôn chị để anh Tr nuôi con, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng anh Tr mỗi tháng 2.000.000 đồng. Hiện nay chị đang làm công nhân công ty điện tử khu công nghiệp Yên Bình, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên thu nhập bình quân 8.000.000đ/tháng.

-Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, nhà, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp: Vợ chồng không có gì chung, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 23.5.2023 và các lời khai tiếp theo, bị đơn là anh Đỗ Văn Tr trình bày:**

-Về hôn nhân: Anh và chị Trần Thị T có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, vợ chồng kết hôn có tự do tìm hiểu, tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Bắc S, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội ngày 30/8/2004.

Sau khi kết hôn xong thì vợ chồng anh về sống chung cùng với mẹ anh tại thôn Đ, xã Bắc S, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Quá trình chung sống vợ chồng anh sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng cũng chỉ có những mâu thuẫn nhỏ nhất thì chị T lại lấy quần áo bỏ đi. Sau khi chị T bỏ đi anh đã gọi nhiều lần chị T về được ít ngày thì lại bỏ đi tiếp. Đến ngày mừng 1 tết chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở không về ở cùng với anh nữa. Sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ mừng 1 tết âm lịch cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T làm đơn xin ly hôn anh đồng ý.

-Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Đỗ Đức H, sinh ngày 10/4/2019. Hiện nay cháu đang ở cùng với anh. Ly hôn anh đề nghị nuôi con, không đề nghị chị T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đang làm tự do thu nhập bình quân 10.000.000đ/tháng.

-Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, nhà, đất ở, đất sản xuất

nông nghiệp: Vợ chồng anh tự thỏa thuận giải quyết, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Thư ký Tòa án; Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình và Nghị quyết số 326/2016/NQ – UBTWQH14 ngày 30/12/2016. Xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T. Cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Đỗ Văn Tr.

+ Về con chung: Giao con chung là Đỗ Đức H, sinh ngày 10/4/2019 cho anh Đỗ Văn Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

+ Về tài sản chung, công sức, công nợ, đất ở, nhà, đất sản xuất nông nghiệp: Chị T, anh Tr không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T xin ly hôn anh Tr, hiện anh Tr cư trú tại thôn Đ, xã Bắc S, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa anh Tr vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa vắng mặt anh Tr.

[2] Về nội dung: Chị Trần Thị T kết hôn cùng anh Đỗ Văn Tr trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bắc S, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 55, quyển số 01/2004 ngày 30/8/2004. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh Tr và chị T đều xác nhận từ khoảng năm 2020 trở lại đây anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc chị T đi làm công nhân không quan tâm, lo lắng cho gia đình. Mặt khác do vợ chồng không tin tưởng nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Sau khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng đã nhiều lần tự hòa giải và được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 1

tết âm lịch đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị T và anh Tr đều xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Xét yêu cầu của anh chị, Hội đồng xét xử nhận thấy: Để tồn tại quan hệ hôn nhân thì vợ chồng phải thương yêu, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau, cùng nhau vun vén xây dựng hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên vợ chồng anh chị sống không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, không tin tưởng lẫn nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh chị đều xác nhận không còn tình cảm với nhau và đề nghị giải quyết xin được ly hôn. Như vậy mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, mâu thuẫn đã đến mức đời sống chung không thể kéo dài nên cho chị T được ly hôn anh Trung là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị T và anh Tr có 01 con chung là Đỗ Đức H, sinh ngày 10/4/2019. Hiện nay cháu đang ở với anh Tr. Anh Tr và chị T đều thống nhất để cho anh Tr nuôi dưỡng, chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Tr mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét thỏa thuận của anh chị là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, đất ở, nhà, đất sản xuất nông nghiệp: Anh Tr, chị T không đề nghị nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 235 Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T. Cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Đỗ Văn Tr.

2. Về con chung: Giao con chung Đỗ Đức H, sinh ngày 10/4/2019 cho anh Đỗ Văn Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Tr mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 7/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác có hiệu lực pháp luật của Tòa án thay thế.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, đất ở, nhà, đất sản xuất nông nghiệp: Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, chị được trừ vào số tiền 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005791 ngày 24/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Tr có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận

- VKSND H. Sóc Sơn;
- THADS H. Sóc Sơn;
- Tòa án Hà Nội;
- UBND xã Mai Đình;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Hồng

